TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/DS-PT
Ngày: 13 - 5 - 2022
"V/v tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

*Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa**:*** Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Thẩm phán: Ông Dương Viết Hải và ông Trần Đức Long

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Minh Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 02 năm 2022, về việc: Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2022/DS - ST ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 657/2022/QĐ-PT ngày 28/3/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hồ Trường Th, sinh năm 1975 và bà Trần Thị B, sinh năm 1984**;** địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Ông Th ủy quyền cho bà B tham gia tố tụng, bà B có mặt.

Người được nguyên đơn ủy quyền: ông Nguyễn Thế Th, sinh năm 1983, tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 17/12/2021; địa chỉ: Số 23 đường L, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, ông Th có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị B1, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn Ph, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, bà Bình có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thúy L, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* bà Trần Thị B là nguyên đơn trong vụ án

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đã được bổ sung tại bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn trình bày như sau: Ngày 27 tháng 7 năm 2019, ông Hồ Trường Th và bà Trần Thị B cùng ký Bản cam kết thỏa thuận chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất với bà Phan Thị B1, nội dung cụ thể như sau: Bà Phan Thị B1 tự nguyện chuyển nhượng một phần thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BM 529093, vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CH 09034, do Ủy ban nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 22 tháng 12 năm 2012 mang tên bà Phan Thị B1. Thửa đất số 746, tờ bản đồ 18, tại thôn Ph, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

- Thời hạn chuyển nhượng: Trong vòng một năm, kể từ ngày 27 tháng 7 năm 2019 đến 27 tháng 7 năm 2020. Hết thời hạn nêu trên mà bà Bình chưa tách thửa và chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã nêu trên thì phải trả gấp đôi số tiền mà bà B1 đã nhận. Bản cam kết này đã được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B chứng thực vào ngày 29 tháng 7 năm 2019. Cũng trong ngày 27 tháng 7 năm 2019, ông Th - bà B có giao cho bà B1 số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng). Sau khi nhận tiền, bà B1 đã tự tay viết giấy nhận tiền và ký xác nhận. Sau khi hai bên ký kết thỏa thuận, ông Th - bà B đã nhiều lần yêu cầu bà B1 thực hiện các thủ tục để chuyển nhượng một phần quyền sử dụng thửa đất số 746, tờ bản đồ 18, tại thôn Ph, xã Đ như đã thỏa thuận. Tuy nhiên, bà B1 không thực hiện, tháng 10 năm 2020, ông Th - bà B bất ngờ được biết bà Phan Thị B1 đã chuyển nhượng toàn bộ bộ quyền sử dụng thửa đất số 746, tờ bản đồ 18 nói trên cho ông Nguyễn Q và bà Châu Thị H, trú tại xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Các hành vi nói trên của bà B1 đã vi phạm các thỏa thuận đã ký kết khi vừa vi phạm thời gian thực hiện nghĩa vụ, vừa không thực hiện các thủ tục để chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất theo thỏa thuận, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông Th - bà B.

Bà B trình bày thêm: Giữa bà và chị L (con gái bà B1) có quen biết nhau. Khoảng tháng 02/2019 bà B cho chị L mượn số tiền 400.000.000 đồng. Ngày 27/7/2019 bà B1 có ký cam kết chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông bà và bà B1 đã nhận số tiền 400.000.000 đồng (có chữ ký của bà B1 và chị L con bà B1). Số tiền giao cho bà B1 không liên quan gì đến số tiền chị L mượn. Hiện tại chị L vẫn chưa trả số tiền 400.000.000 đồng.

Do bà B không thực hiện nghĩa vụ nên ông Th và bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà B1 thực hiện các thủ tục để có thể chuyển nhượng cho ông Th - bà B một phần quyền sử dụng thửa đất số 746, tờ bản đồ 18, tại thôn Ph, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình với diện tích cụ thể được xác định theo Bản cam kết thỏa thuận chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất ngày 27 tháng 7 năm 2019. Trường hợp bà B1 không thể chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất như đã thỏa thuận, buộc bà Bình trả cho ông Th - bà B số tiền như đã cam kết, cụ thể bao gồm: Tiền gốc: 800.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh do chậm trả (tính đến thời điểm ngày vi phạm từ ngày 27/7/2020 đến ngày 27/12/2021 là này là 17 tháng); 800.000.000 đồng x 10%/năm x 17 tháng = 113.333.333 đồng. Tổng số tiền cả gốc và lãi là: 913.333.333 đồng.

Ông Nguyễn Thế Th, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 27/7/2019 giữa ông Th - bà B và bà B1 hợp pháp, các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện, có chứng thực của chính quyền địa phương. Ông Th - bà B đã thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà B1; bà B1 vi phạm thỏa thuận. Đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Phan Thị B1 trình bày tại bản tự khai, hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm: Vào ngày 27/7/2019 bà và ông Hồ Trường Th, bà Trần Thị B thực hiện việc cam kết chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 746, tờ bản đồ số 18 tại thôn Ph, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Tại thời điểm đó giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà B1 đang thế chấp ở Ngân hàng, ông Th và bà B cũng biết điều đó, với lại số tiền 400.000.000 đồng ghi trong giấy nhận tiền là do con gái bà B là Nguyễn Thúy L mượn, nhưng do bà B1 có hứa, nếu sau này con gái bà B1 không trả được thì bà B1 cho chị L 01 thửa đất để bán mà trả nợ. Do vậy, ông Th - bà B nghe được nên đã vội bảo bà B1 làm giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất 01 thửa đất cho ông Th-bà B và bà B đã bảo bà B1 ghi nợ số tiền 400.000.000 đồng như giấy bà B đã nộp cho Tòa án, chứ bà B thực tế không hề lấy tiền của ông Th - bà B, ông Th - bà B khởi kiện đòi phạt gấp đôi tiền và tiền lãi, bà B1 không chấp nhận. Bà B1 đề nghị Tòa án xem xét cho bà B1 được trả lại cho vợ chồng ông Th-bà B số tiền đã nhận 400.000.000 đồng ngày 27/7/2019.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thúy L trình bày như sau:

Trước đây chị L có vay của vợ chồng ông Th - bà B số tiền 400.000.000 đồng đến nay chưa trả do điều kiện khó khăn, nên mẹ chị là bà Phan Thị B1 có cam kết chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Th- bà B một phần diện tích đất của bà B1 số tiền là 400.000.000 đồng, bà B đề nghị bà B1 làm giấy nhận tiền và để ông Th-bà B có đủ tin tưởng, chị L cùng có ký vào giấy để lấy lại số tiền mà chị L đã vay của vợ chồng ông Th - bà B. Thực tế bà Bình cũng chỉ muốn giúp chị L khỏi tiếng to, tiếng nhỏ qua lại, do vậy mà đến nay ông Th - bà B mới có lý do để kiện bà B1. Nhưng trên thực tế người vay nợ mới chính là chị L bởi ở nơi bà Bát vẫn còn giấy nợ của chị L. Nay bà B, ông Th khởi kiện yêu cầu bà B1 trả số tiền 913.333.333 đồng chị L và bà B không chấp nhận, chỉ chấp nhận trả lại cho vợ chồng ông Th- bà B số tiền đã nhận là 400.000.000 đồng vì giao dịch nhận tiền giữa bà B1 và bà B là mục đích che dấu và thực hiện việc vay mượn giữa chị L và vợ chồng ông Th - bà B.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2022/DS-ST ngày 06/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, 117, 122, 123, 124, 131, 133, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Hồ Trường Th-bà Trần Thị B và bà Phan Thị B1 ngày 27/7/2019 vô hiệu, các bên có trách

nhiệm trả lại cho nhau những gì đã nhận. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Trường Th và bà Trần Thị B, buộc bà Phan Thị B1 trả lại cho ông Hồ Trường Th và bà Trần Thị B số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

Về án phí: Bà Phan Thị B1 phải chịu 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Ông Hồ Trường Th và bà Trần Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 19.300.000 đồng (mười chín triệu ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo biên lai thu số 0000633 ngày 16/6/2021 khi án có hiệu lực pháp luật và có đơn xin thi hành án.

Bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự

Trong hạn luật định, ngày 20/01/2022 nguyên đơn bà Trần Thị B gửi đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm (ngày theo dấu bưu điện), đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, quyết định sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 06/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện và thay đổi một phần nội dung kháng cáo, cụ thể không buộc bà B1 chuyển nhượng QSD đất như cam kết nữa do bà B1 đã chuyển nhượng thửa đất trên cho người khác; và chỉ yêu cầu bà Bình trả lại số tiền 400.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 27/7/2019 đến ngày 27/12/2021 theo mức lãi suất 10%/năm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm buộc bà B1 trả lại cho ông Th bà B số tiền gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 27/7/2019 đến ngày 27/12/2021 (29 tháng) với lãi suất 10%/năm; miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà B1, bà B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn kháng cáo trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí nên chấp nhận để xét xử phúc thẩm.

Về sự vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Tòa án đã tống đạt hợp lệ những vẫn vắng mặt đến lần thứ hai, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ dân sự, bị đơn có địa chỉ tại huyện Bố Trạch. Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về quan hệ pháp luật: Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch xác định tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng QSD đất để giải quyết, xét xử là không đúng, bởi sự việc mới chỉ do hai bên viết giấy cam kết sẽ chuyển nhượng QSD đất chứ chưa ký hợp đồng chuyển nhượng QSD đất, do đó phải xác quan hệ pháp luật là tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Xuất phát từ việc chị Nguyễn Thúy L (con bà B1) và vợ chồng ông Th, bà B có quen biết nhau nên giữa vợ chồng ông Th bà B với bà B1 có thỏa thuận với nhau về việc bà B1 cam kết sẽ chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất tại thửa đất số 746, tờ bản đồ số 18 tại thôn Ph, xã Đ, huyện B đứng tên bà Phan Thị B1 và hai bên lập giấy cam kết có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B đồng thời bà B1 có viết giấy giao - nhận tiền ghi ngày 27/7/2019 có chị L con bà B1 ký làm chứng. Bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử đụng đất để quyết định tuyên bố giao dịch trên vô hiệu là không đúng, bởi sự việc mới chỉ dừng lại là bà B1 cam kết sẽ chuyển nhượng một phần thửa đất của bà B1 đất cho ông Th - bà B hai bên chưa lập hợp đồng chuyển nhượng QSD đất hơn nữa đơn khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ dân sự nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét về trách nhiệm và nghĩa vụ của các bên.

[2.2] Tại Văn bản số 170/CNVPĐKĐĐ ngày 29/6/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình trả lời cho bà B và cung cấp hồ sơ, tài liệu cho Tòa án thì một phần thửa đất bà B1 cam kết sẽ chuyển nhượng cho ông Th - bà B nằm trong thửa đất bà B1 đã chuyển nhượng cho người khác, cụ thể bà B1 đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Q và bà Châu Thị H vào ngày 18/8/2020 đã được Văn phòng công chứng Tr công chứng và đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bố Trạch xác nhận việc chuyển nhượng QSD đất vào giấy chứng nhận QSD đất ngày 04/9/2020 (BL 99-125). Như vậy, đối tượng để buộc bà B1 thực hiện nghĩa vụ không còn tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án và tại cấp phúc thẩm nguyên đơn không yêu cầu bị đơn (bà B1) thực hiện nghĩa vụ chuyển nhượng QSD đất là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn.

[2.3] Xét số tiền 400.000.000 đồng ký giao nhận giữa ông Th - bà B và bà B1 thấy rằng: Mặc dù hai bên có viết giấy giao nhận tiền nhưng không ghi nội dung cụ thể là để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ nào; Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn thừa nhận giá chuyển nhượng một phần thửa đất nói trên là 400.000.000 đồng và thực tế bị đơn trình bày có cam kết sẽ chuyển nhượng một phần đất và viết giấy nhận tiền 400.000.000 đồng. Tuy nhiên đây không phải là giao dịch đặt cọc để bảo đảm giao kết hoặc thực hiện

hợp đồng, đối tượng của nghĩa vụ cam kết trên hiện không còn nên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền trên và tiền lãi.

Việc nguyên đơn có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện và thay đổi nội dung kháng cáo là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên cần chấp nhận; về yêu cầu của nguyên đơn chỉ buộc bị đơn trả số tiền 400.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 27/7/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm, tuy nhiên nguyên đơn yêu cầu tính đến ngày 27/12/2021 tròn 29 tháng với lãi suất 10%/năm = 0,83%/tháng là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận, cụ thể: 400.000.000 đồng x 0,83% x 29 tháng = 96.280.000 đồng. Từ nhận định trên cần sửa Bản án dân sự sơ thẩm buộc bà Bình trả lại cho ông Th - bà B số tiền 400.000.000 đồng và tiền lãi 96.280.000 đồng, tổng cộng là 496.280.000 đồng.

[3] Về án phí: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn là người cao tuổi lại có đơn xin miễn án phí nên cần xem xét miễn toàn bộ án phí cho bị đơn.

Ông Hồ Trường Th và bà Trần Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm, ông Th bà B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 19.300.000 đồng và số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 308; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 12, 15, 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 116, 117, 119, 121, 274, 275, 277, 278, 468 Bộ luật Dân sự .

Tuyên xử: Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2022/DS-ST ngày 06/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch,

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn (bà Phan Thị B1) thực hiện nghĩa vụ chuyển nhượng một phần QSD đất tại thửa đất số 746, tờ bản đồ số 18 xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Phan Thị B1 trả lại cho nguyên đơn ông Hồ Trường Th và bà Trần Thị B số tiền 400.000.000 đồng và tiền lãi 96.280.000 đồng, tổng cộng 496.280.000 đồng (Bốn trăm chín mươi sáu triệu, hai trăm tám mươi ngàn đồng).

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phan Thị B1;

Ông Hồ Trường Th và bà Trần Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm, ông Th bà B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 19.300.000 đồng (mười chín triệu ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo biên lai thu số 31AA/2021/0000633 ngày

16/6/2021, và nhận lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phúc thẩm tại biên lai thu tiền số: 31AA/2021/0003205 ngày 26/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình;

Kể từ ngày án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (13/5/2022).

Nơi nhận :
- VKSND tỉnh Quảng Bình*;*
- TAND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ,Tòa Dân sự, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thái Sơn